

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

*“Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hà Ngân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Bà Lê Thị Hòa

2) Ông Y Dieng Niê

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hữu Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị C, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 02, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn 02, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị kết hôn cùng anh T từ năm 2004, hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Thời gian đầu chị C và anh T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi sinh được đứa con thứ hai, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh T luôn có hành vi chửi mắng và thậm chí đánh chị. Từ năm 2014, chị C đã ra ở riêng, hai bên sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Lý Hương G, sinh ngày 04/5/2005 và cháu Lý Hương Q, sinh ngày 15/11/2014. Hiện chị C đang nuôi dưỡng cháu Q, còn anh T đang nuôi dưỡng cháu G.

Chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, đồng ý cho anh T nuôi dưỡng cháu G đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

- *Bị đơn anh Lý Văn T quá trình giải quyết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có mặt tại Tòa án:* Tòa án đã lập biên bản về việc anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, và biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn anh T nêu ý kiến việc kết hôn, vấn đề con chung, và tình trạng ly thân vợ chồng đúng như chị C đã trình bày. Về mâu thuẫn, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng. Anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị C, anh không chấp nhận ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- ***Về tố tụng:***

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, hòa giải, xét xử, Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã có mặt tại phiên tòa và chấp hành nội quy phiên tòa.

+ Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- ***Về nội dung:*** Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

[2]. *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:* Chị C và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Đắk Nông, vì vậy quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị C và anh T thừa nhận, thời gian đầu là hạnh phúc, nhưng từ năm 2014, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị C nguyên nhân do anh T hay uống rượu, ghen tuông, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ năm 2014, chị C và anh T đã sống ly thân đến nay, chị không còn tình cảm yêu thương với anh T.

Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T cũng thừa nhận, vợ chồng có mâu thuẫn.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T cũng xác định được, chị C và anh T đã sống ly thân từ lâu.

Xét thấy tình trạng ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T là trầm trọng, mặc dù Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải, nhưng anh T không có mặt tại tòa án, chị C không đồng ý đoàn tụ với anh T, như vậy, mục đích hôn nhân đã không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài, nên yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Lý Hương G, sinh ngày 04/5/2005 và cháu Lý Hương Q, sinh ngày 15/11/2014, hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, việc cần tiếp tục giao cháu Q cho chị C, giao cháu G cho anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp với hoàn cảnh của các bên, cũng như nguyện vọng của các cháu. Các bên không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét thêm.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị C

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị C được ly hôn với anh Lý Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Lý Hương Q, sinh ngày 15/11/2014 cho chị Nông Thị C, cháu Lý Hương G, sinh ngày 04/5/2005 cho anh Lý Văn T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi).

Chị C, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn, không ai được cản trở.

Trường hợp các bên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nông Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ số tiền

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 00006xx ngày 04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hà Ngân